TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 99/2025/HC-PT
Ngày: 23-01-2025
V/v: *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

***- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:** ông **Phạm Văn Hợp**

***- Các Thẩm phán*:** ông **Nguyễn Văn Tào**

ông **Lê Văn Thường**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông **Nguyễn Duy Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Thế Vinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 414/2024/TLPT-HC ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 180/2024/HC-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 219/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần Quang Đ, sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn H, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Anh T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số F, Tổ L, buôn Đung, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T1 – Phó chủ tịch UBND thành phố B, đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Trương Văn C – Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Võ Quang H Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B. Địa chỉ số: C H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn C – Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B.

2. Bà Đào Thị N, sinh năm 1964;

3. Ông Trần Tiến T2, sinh năm 1988, đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Trần Tiến Đ1 sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Đỗ Anh T, đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: ông Trần Quang Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Người khởi kiện ông Trần Quang Đ và ông Đỗ Anh T - người đại diện theo ủy quyền của ông Đ trình bày:**

Ngày 24/01/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 708/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Trần Quang Đ để xây dựng công trình: Đường Đ, thành phố B đối với Thửa đất số: 295F, Tờ bản đồ số: 06, địa chỉ thửa đất: xã H, diện tích: 430,5m², Mục đích sử dụng đất: 150 m² đất ở nông thôn, 280,5 m² đất trồng cây lâu năm, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BG 672684.

Sau khi bị thu hồi thì gia đình ông Đ đã bàn giao đất cho nhà nước đề thực hiện dự án. UBND thành phố B đã giao cho gia đình ông Trần Quang Đ 01 suất tái định cư. Tuy nhiên, do các con ruột của ông Đ gồm ông Trần Tiến T2, sinh năm: 1988, ông Trần Tiến Đ1, sinh năm: 1995 đã có gia đình và ra ở riêng trước khi nhà nước thu hồi đất nên không có chỗ ở nào khác. Vì vậy, ông Đ làm đơn xin thêm 1 suất tái định cư. Đến ngày 06/10/2023 UBND thành phố B ký ban hành Công văn số: 4210/UBND-VP giao Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra tham mưu UBND giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Công văn số: 171/CV-TTPTQĐ ngày 18/10/2023 của Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất UBND thành phố B, về việc trả lời không giao thêm 1 suất tái định cư cho ông Trần Quang Đ.

Việc UBND thành phố B không giao thêm 01 thửa đất tái định cư cho hộ ông Trần Quang Đ là trái pháp luật, nên ông Đ ủy quyền cho ông Đỗ Anh T là

người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

- Hủy toàn bộ Công văn số: 171/CV-TTPTQĐ ngày 18/10/2023 của Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất UBND thành phố B,

- Tuyên bố hành vi hành chính của UBND thành phố B không giao thêm 01 thửa đất tái định cư cho hộ gia đình ông Trần Quang Đ là trái pháp luật;

- Buộc UBND thành phố B phải ban hành Quyết định giao thêm cho hộ gia định ông Trần Quang Đ 01 thửa đất tái định cư, theo quy định của pháp luật, theo giá đất quy định tại Quyết định số: 5501/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh Đ (do UBND tỉnh Đ ủy quyền cho UBND thành phố B ban hành).

*** Tại bản tự khai, ông** Lê Đại T1 **– Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện** Ủy ban nhân dân thành phố B **trình bày:**

Ngày 24/3/2016 UBND thành phố B ban hành Thông báo về việc thu hồi đất của ông Trần Quang Đ để thực hiện dự án Đường Đ, thành phố B.

Ngày 24/01/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 712/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương bồi thường, hỗ trợ và ban hành Quyết định số 708/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường Đ, thành phố B (địa bàn xã H).

Khi thực hiện dự án thì ông Đ bị thu hồi 523,9m² đất, trong đó có 150m² đất ở. Ông Đ bị thu hồi hết đất ở nên phải di chuyển chỗ ở và không còn đất ở nào khác trên địa bàn xã H nên đủ điều kiện được giao đất tái định cư. Tại thời điểm thu hồi đất thì gia đình ông Đ có 4 nhân khẩu đang ở trên đất thu hồi (theo biên bản ngày 20/9/2021 của UBND xã H).

Ngày 31/3/2022, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố phối hợp cùng các phòng ban liên quan mời hộ ông Đ tham gia bốc thăm chọn lô tái định cư.

Qua đó ông Đ đồng ý bốc 01 lô tại khu T định cư thôn A, xã H. Ngày 30/6/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 6213/QĐ-UBND về việc giao 01 suất đất tái định cư cho ông Trần Quang Đ và bà Đào Thị N. Căn cứ khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ UBND thành phố Buôn Ma T3 đã giao cho hộ ông Trần Quang Đ 01 thửa đất với diện tích 208,02m² là đúng quy định và nhiều hơn 58,02m² so với diện tích đất ở đã thu hồi của gia đình ông Đ. Nên yêu cầu về giao thêm 01 suất đất là không có cơ sở.

Ông Đ cho rằng tại thời điểm thu hồi đất gia đình có nhiều thế hệ, các con ông đã lập gia đình nhưng tại biên bản ngày 20/9/2021 của UBND xã H thì tại vị trí thu hồi đất chỉ có 4 thành viên đang ở trên thửa đất thu hồi. Từ những căn cứ trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk không chấp nhận các nội dung khởi kiện của ông Trần Quang Đ.

*** Tại bản tự khai, ông** Trương Văn C **– Giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất** thành phố B **trình bày:**

Thống nhất với nội dung trình bày của người bị kiện UBND thành phố B về quy trình, thủ tục, nội dung thu hồi đất và cấp đất tái định cư cho hộ gia đình ông Trần Quang Đ.

Ngày 24/01/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 712/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương bồi thường, hỗ trợ và ban hành Quyết định số 708/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường Đ, thành phố B (địa bàn xã H).

Khi thực hiện dự án thì ông Đ bị thu hồi 523,9m² đất, trong đó có 150m² đất ở. Ông Đ bị thu hồi hết đất ở, phải di chuyển chỗ ở và không còn đất ở nào khác trên địa bàn xã H nên đủ điều kiện được giao đất tái định cư. Tại thời điểm thu hồi đất thì gia đình ông Đ có 4 nhân khẩu đang ở trên đất thu hồi (theo biên bản ngày 20/9/2021 của UBND xã H).

Ông Trần Quang Đ cho rằng: Khi thực hiện dự án thì gia đình bị thu hồi 523,9m² đất (trong đó có 150m² đất ở). Ngày 30/6/2024, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 6213/QĐ-UBND về việc giao đất cho ông Trần Quang Đ với diện tích 208,02m². Do gia đình có các con đã lập gia đình nên đề nghị được giao thêm 1 suất tái định cư. Vì vậy khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết: Buộc UBND thành phố Buôn Ma T3 giao thêm cho gia đình 01 thửa đất tái định cư, theo quy định của pháp luật, theo giá đất được quy định tại Quyết định số 5501/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND thành phố B.

Ngày 31/3/2022, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố phối hợp cùng các phòng ban liên quan mời hộ ông Đ tham gia bốc thăm chọn lô tái định cư. Qua đó ông Đ đồng ý bốc 01 lô tại khu T định cư thôn A, xã H. Ngày 30/6/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 6213/QĐ-UBND về việc giao đất cho ông Trần Quang Đ và bà Đào Thị N.

Do đó, Căn cứ khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ UBND thành phố Buôn Ma T3 đã giao cho hộ ông Trần Quang Đ 01 thửa đất với diện tích 208,02m² là đúng quy định và đã lớn hơn 58,02m² so với diện tích đất ở đã thu hồi của gia đình ông và đồng thời yêu cầu về giá giao đất là không có cơ sở vì không đủ điều kiện giao thêm đất.

Ông Đ cho rằng tại thời điểm thu hồi đất gia đình có nhiều thế hệ, các con ông đã lập gia đình nhưng tại biên bản ngày 20/9/2021 của UBND xã H thì tại vị trí thu hồi đất chỉ có 4 thành viên đang ở trên thửa đất thu hồi. Từ những căn cứ trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk không chấp nhận các nội dung khởi kiện của ông Trần Quang Đ.

*** Tại bản tự khai, ông Đỗ Anh T – Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị N trình bày:**

Thống nhất với nội dung khởi kiện của ông Trần Quang Đ. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang Đ.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 180/2024/HC-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1]. Điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang Đ về các yêu cầu:

[2.1]. Hủy toàn bộ Công văn số: 171/CV-TTPTQĐ ngày 18/10/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất UBND thành phố B, về việc trả lời đơn ông Trần Quang Đ không giao thêm 01 suất tái định cư.

[2.2]. Tuyên bố hành vi hành chính của UBND thành phố B không giao thêm 01 thửa đất tái định cư cho hộ gia đình ông Trần Quang Đ là trái pháp luật;

[2.3]. Buộc UBND thành phố B phải ban hành Quyết định giao thêm cho hộ gia định ông Trần Quang Đ 01 thửa đất tái định cư, theo quy định của pháp luật, theo giá đất quy định tại Quyết định số: 5501/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND thành phố B (do UBND tỉnh Đ ủy quyền cho UBND thành phố B ban hành).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/10/2024, ông Trần Quang Đ kháng cáo đề nghị chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người bị kiện đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của ông Trần Quang Đ là trong thời hạn quy định tại của Luật tố tụng hành chính và hợp lệ nên Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện:

[2.1]. Thửa đất số 295F, tờ bản đồ số 06, diện tích: 430,5m², mục đích sử dụng đất: 150 m² đất ở nông thôn, 280,5 m² đất trồng cây lâu năm tại xã H, thành phố B được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền

sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 672684 ngày 01/11/2011 cho ông Trần Quang Đ.

[2.2]. Ngày 24/01/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 708/QĐ-UBND Về việc thu hồi để thực hiện dự án Đường Đ, thành phố B có nội dung: Thu hồi đất của ông Trần Quang Đ,bà Đào Thị N 523,9 m² đất (trong đó có 150 m² đất ở; 295,3 m² đất trồng cây hàng năm đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 78,6 m² đất lấn chiếm chỉ giới đường giao thông) Nay thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 60-1 (thửa đất số 295F, tờ bản đồ số 06 cũ), tại xã H, thành phố B và ban hành Quyết định số 712/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ trong đó có hộ ông Trần Quang Đ.

Hộ ông Đ bị thu hồi toàn bộ 150m² đất ở, phải di chuyển chỗ ở và không còn đất ở nào khác trên địa bàn xã H nên đủ điều kiện được giao đất tái định cư theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất:

"Điều 6. Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở.

Việc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở quy định tại Điều 79 của Luật Đất đai được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam khi Nhà nước thu hồi đất ở mà có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc bồi thường về đất được thực hiện như sau:

a) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư….

2. Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại Khoản 1 Điều này mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình thực tế tại địa phương quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình."

Theo Biên bản xác minh ngày 20/9/2021 của UBND xã H về việc xác định chỗ ở và nhân khẩu đang sinh sống trên vị trí đất thu hồi khi nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình: Đường Đ, Tp . thì hộ gia đình ông Trần Quang Đ có 04 nhân khẩu đang ở tại thửa đất thu hồi gồm: Trần Quang Đ – Chủ hộ, Đào Thị N (vợ), Trần Tiến T2 (con), Trần Tiến Đ1 (con).

[2.3]. Tại Quyết định số 6213/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND thành phố B đã giao 01 thửa đất tái định cư cho ông Trần Quang Đ, bà Đào Thị N diện tích đất ở là 208,02 m², nhiều hơn diện tích đất ở mà hộ ông Đ bị thu hồi là (58,02m²).

Ông Trần Quang Đ cho rằng tại thời điểm thu hồi đất các con của ông là Trần Tiến T2 và Trần Tiến Đ1 đã có gia đình riêng trước khi nhà nước thu hồi đất nhưng không có chỗ ở nào khác nên đã làm đơn xin cấp thêm một suất đất tái định cư.

[2.4]. Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Quang Đ và gia đình không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Mặt khác, ông T2, ông Đ1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì. Ngày 13/8/2024, người đại diện theo ủy quyền của ông Đ giao nộp cho Tòa án: Đơn xin xác nhận của ông Trần Quang Đ đề ngày 24/ 6/2024 có xác nhận của Công an xã H với nội dung: "Công dân Trần Quang Đ – Chủ hộ cùng các công dân Đào Thị N, Trần Tiến T2, Trần Tiến Đ1 và Trần Tiến D có hộ khẩu thường trú tại thôn H, H, Tp ., Đắk Lắk" và Bản sao Giấy khai sinh của UBND xã H cấp cho cháu Trần Tiến D sinh ngày 11/12/2013 có cha Trần Tiến T2 trú tại Thôn C, xã H và mẹ Đào Thị Như Q trú tại Tổ dân phố A, phường T, thành phố B. Như vậy, căn cứ vào Giấy khai sinh của cháu Trần Tiến D thì cháu Trần Tiến D không cùng nơi cư trú với hộ ông Trần Quang Đ.

[2.5]. Từ những phân tích nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không chấp nhận nội dung yêu cầu của người khởi kiện ông Trần Quang Đ là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ông Trần Quang Đ kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới làm thay đổi nội dung vụ án nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quang Đ.

[3] Về án phí: ông Trần Quang Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Quang Đ, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 180/2024/HC-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí: ông Trần Quang Đ được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hợp

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.